

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P1+BK9	7:25	20+1+1	0+0+0		13+0+1	0+0+0	
2		TD2+CLO+TD2	7:25	21+0+0	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 TD2- CLOchuyen 2 CLO-TD2
3		TD1+P8+P9	8:00	0+0+0	0+0+0		7+5+1	0+0+0	chợ F0
4		MRRM+CTK3+TD2	9:25	0+10+7	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 1 MRRM-TD2
5		CTK3+P10+P7	9:35	12+6+2	0+0+0		7+5+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
P7-3 người đi về trong ngày

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: N0 1	TO: P7 - P1 - BK9	CREW: HUNG - TRUONG - HIEU	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA LUONG	P7					68	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN QUOC TUAN	P7	99,400	2	12		63	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN HUY HUNG	P7	09	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC LAM	P7	95	1	6	35	76	KHOAN	Vietnamese
5	VU VAN DOANH	P7					70	KHOAN	Vietnamese
6	VO VAN HUNG	P7	04	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN VAN DAM	P7	92	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
8	TRAN LE KIEN	P7	05	1	6		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HAO	P7	13	1	7		88	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CHAN	P7	93-94	2	13		57	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN TUAN LONG	P7	14	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC TUAN	P7	98	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM HUU TRI	P7	11-12	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VIET DUNG	P7					67	KH-THAC	Vietnamese
15	KRAMARENKO V.V	P7	10	1	3		65	KH-THAC	Russian
16	LE TUAN VU	P7	03	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NAM	P7	96-97	2	20		73	YTE	Vietnamese
18	BUI THANH CAM	P7	01-02	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAM HAI LONG	P7	66-68	3	20		75	DVL	Vietnamese
20	PHAM NGOC PHUONG	P1	29	1	10	26	75	CODIEN	Vietnamese
21	DO NGOC TAM	BK9	04	1	14	85	88	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

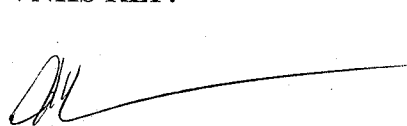
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	19	23	138	1,354	35	13		
2	P1	1	1	10	75	26	1		
3	BK9	1	1	14	88	85	1		
TOTAL		21	25	162	1,517	146	15		
WEIGHT KG				162	1,517	146			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

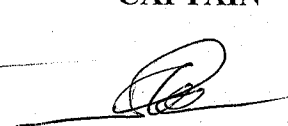
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/04/2022	TO: TD2 - CLO - TD2.	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: N0 2	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VThắng - THỤ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG VIỆT CƯỜNG	TD2	62	1	10	80	67	D-HANH	Vietnamese
2	DOROSHENKO MAXIM	TD2	78	1	10		93	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN VĂN HAI	TD2	66	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HỮU HỒNG	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ANH TUẤN	TD2					65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH BÌNH	TD2	76	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THỌ	TD2	75	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ NGUYỄN GIÁP	TD2	68-70	3	18		74	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	TD2	79-80	2	12		79	KHOAN	Vietnamese
10	QUÁCH VĂN TÔI	TD2	64	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHONG	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN LINH	TD2	61	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN DUY KIẾN	TD2	72	1	5	24	80	KHOAN	Vietnamese
14	QUÁCH VĂN CÚ	TD2	73	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN VĂN BÌNH	TD2	74	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HÙNG CƯỜNG	TD2	63	1	5		100	KHOAN	Vietnamese
17	VÕ SĨ MINH TÂN	TD2	65	1	2		56	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TU	TD2	77	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ VĂN THUY	TD2	71	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HÀ	TD2	67	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	20	20	125	1.477	104	0-1		CHUYEN 1 PAX TU TD2 SANG CLO CHUYEN 2 PAX TU CLO SANG TD2.
2	CLO	0	0	0	0	0	0-2		
3	TD2.	0	0	0	0	0	22		
TOTAL		20	20	125	1.477	104	22		
WEIGHT KG				125	1.477	104			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2022 FLIGHT: 03	FROM: VT TO: TD1 - P8 - P9	AIRCRAFT: 610 CREW: Tường - Thanh	ETD: 08:00 ETA: 09:45
--------------------------------	-------------------------------	--------------------------------------	--------------------------

ROUTE: VT - TD1 - P8 - P9 - VT

No.	PAXNAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - TD1									
1	NIL						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	7	WT:	0	0	0
SECTOR 2 : VT - P8									
2	NIL						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	6	WT:	0	0	0
SECTOR 3 : VT - P9									
3	NIL						0	0	
	PAX OUT	0		PAX IN	1	WT:	0	0	0
	TOTAL	0							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1					
REMARK: 13 F0+ 1 y te P8					
					PAX.WEIGHT
					0
					BAG.WEIGHT
					0
					CARGO WEIGHT
					0
					TOTAL
					0

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

CONFIRMED BY HLO (Name \$ signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT \$ BAG:

FINISHED: 00:00

FUEL



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: N0 4	TO: MRM - CTK3 - TD2	CREW: HUNG - TRUONG - HIEU	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG.	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN NHAT	CTK3	41,37	2	18		64	KIM THIE	Vietnamese
2	LAM SON CA	CTK3	02,34	2	15		59	KIM THIE	Vietnamese
3	NGUYEN VAN BINH	CTK3	40	1	7		62	KIM THIE	Vietnamese
4	PHAM VAN TIEN	CTK3	97	1	7		50	KIM THIE	Vietnamese
5	DUONG VAN TIEN	CTK3	99,800	2	15		65	KIM THIE	Vietnamese
6	LE ANH VU	CTK3	38	1	7		75	KIM THIE	Vietnamese
7	NGUYEN HUU NGA	CTK3	98	1	7		79	KIM THIE	Vietnamese
8	NGUYEN QUOC CUONG	CTK3	39	1	10		80	KIM THIE	Vietnamese
9	NGUYEN VAN HOANG	CTK3	14,35	2	12		70	KIM THIE	Vietnamese
10	HU SI BINH	TD2	50	1	8	20	73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM HUY NAM	TD2	48-49	2	11		70	CODIEN	Vietnamese
12	LAI MINH HOANG	TD2	53	1	10		75	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYEN QUOC ANH	TD2	54	1	5		68	CODIEN	Vietnamese
14	DO TIEN DUNG	TD2	46-47	2	14		59	DVL	Vietnamese
15	NGUYEN CANH HIEN	TD2	52	1	5		59	GETRACO	Vietnamese
16	DINH EM	TD2	51	1	5		71	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 PAX MRM-TD2
2	CTK3	9	13	98	604	0	0		
3	TD2	7	9	58	475	20	22		
TOTAL		16	22	156	1.079	20	22		
WEIGHT KG				156	1.079	20			

GRAND TOTAL: 1.255 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/04/2022	TO: CTK3 - P10 - P7	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: ATUÁN - VThắng - THỤ	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN PHUONG	CTK3	90	1	5		63	KIM THIET	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TRUNG	CTK3	13	1	7		68	KIM THIET	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG TRI	CTK3	91-92	2	9		59	KIM THIET	Vietnamese
4	NGUYEN MINH QUAN	CTK3	12	1	12		77	KIM THIET	Vietnamese
5	ĐANG ĐINH ANH	CTK3	84	1	14	3	68	KIM THIET	Vietnamese
6	HUYNH VAN MINH	CTK3	85,59	2	20		90	KIM THIET	Vietnamese
7	LUONG XUAN QUANG	CTK3	78	1	17		58	XAYLAP	Vietnamese
8	ĐAO ĐINH CUONG	CTK3	88	1	20		78	XAYLAP	Vietnamese
9	LE XUAN HUNG	CTK3	76-77	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM VAN LONG	CTK3	79-80	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM PHUONG DUNG	CTK3	81-82	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
12	VU ĐUC THIEN	CTK3	89	1	17		66	XAYLAP	Vietnamese
13	PHAM HIEU LIEM	P10	04-05	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM HUYNH VU	P10	08	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN ANH KHOA	P10	07	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	VU ĐINH CUONG	P10	06	1	6	20	67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN BAO LAM	P10	03	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN THIEU BINH	P7	20-21	2	20		60	DVL	Vietnamese
19	TRAN HUNG LONG	P7	19	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

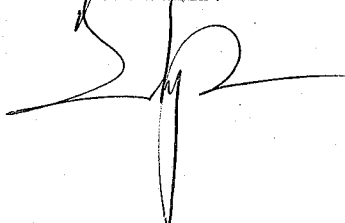
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	12	17	172	824	3	7		
2	P10	5	6	31	356	20	5		
3	P7	2	3	35	118	0	5		
TOTAL		19	26	238	1.298	23	17		
WEIGHT KG				238	1.298	23			

GRAND TOAL: 1.559 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 20/04/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC2+TD5	7:25	4+18	0+0		3+19	0+0	
2		TD3	7:25	22	0		22	0	
3		P6+P1+P2	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	chuyen 1 P6-P1
4		BK21+PVD1	9:25	2+19	0+0		2+20	0+0	
5		P8+P6	9:25	19+3	0+0		17+5	0+0	
6		AMD+TGTH4	9:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
7		RP2+MRM+RC4	11:25	8+13+0	0+0+0		0+12+1	0+0+0	
8		TD3+TD5	11:25	5+17	0+0		2+13	0+0	chuyen 3-td3-td5
9		VSP01	11:25	22	0		22	0	
10		TD1+CLO+TD3	13:25	7+6+8	0+0+0		4+4+12	0+0+0	chuyen 1-td1-Clo
11		VSP01+TTC2+AMD	13:25	16+5+0	0+0+0		11+5+6	0+0+0	

TTDBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ TTC2-3 người đi về trong ngày. 1 người Td3 về đi MRM chuyển sau

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	TO: TTC2 - TD5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - DTùng	ETA: 09:10
XANH-1			

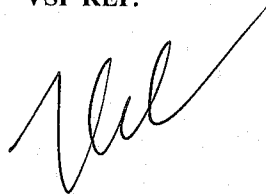
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU MINH HUNG	TTC2	49	1	2	30	82	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN KHOA TRUONG	TTC2	50	1	3		75	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANG	TTC2					60	NIPI	Vietnamese
4	PHAM MINH DUONG	TTC2	53	1	5		86	KH-THAC	Vietnamese
5	ASKAROV DENIS	TD5	72	1	15	50	85	KHOAN	Russian
6	LE THANH LAM	TD5	06	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN NHU Y	TD5					89	KHOAN	Vietnamese
8	TRINH DUY THANH	TD5	04	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
9	ĐINH VĂN SỰ	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
10	LE VAN HIEN	TD5	10	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN DUY ĐỨC	TD5	13	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN DUY KHANH	TD5	08	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
13	VU XUAN ANH	TD5	05	1	6		64	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN MANH	TD5	11	1	8		76	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN VAN HIEN	TD5	09	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	LAM VAN HANH	TD5	12	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
17	LE ANH NGUYEN	TD5	71	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	VO NGUYEN KHANG	TD5	02	1	10		85	KHOAN	Vietnamese
19	LUU VAN PHONG	TD5	14	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN THE	TD5	07	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN MINH TIEN	TD5	03	1	10		92	KHOAN	Vietnamese
22	LE THANH THAI	TD5	69-70	2	18		103	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

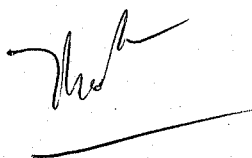
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	4	3	10	303	30	3		
2	TD5	18	17	119	1.381	50	19		
TOTAL		22	20	129	1.684	80	22		
WEIGHT KG				129	1.684	80			

GRAND TOAL: 1.893 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD3	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRUNG HÒA	TD3	28-29	2	16	120	70	KHOAN	Vietnamese
2	LÊ VĂN KHOA	TD3	18	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
3	ĐỖ DUY CHINH	TD3	27	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
4	KHUẤT QUANG KIẾN	TD3	33	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TỰ ĐỘ	TD3	25	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3	22	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
7	BUI CÔNG SƠN	TD3	26	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TUẤN ANH	TD3	21	1	4		88	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HUNG	TD3	32	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHI HUNG	TD3	36	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	37	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH NHAN	TD3	19	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	30	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	34-35	2	9		74	KHOAN	Vietnamese
16	DƯƠNG HOÀNG LONG	TD3	38-39	2	20		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD3	23	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
18	HOÀNG NGỌC NGHĨA	TD3	24	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
19	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3					68	KHOAN	Vietnamese
20	LÊ SỸ HUNG	TD3	31	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
21	BUI VĂN NGHĨA	TD3	16-17	2	8		80	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	20	1	7		84	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	24	136	1.613	120	22		
TOTAL		22	24	136	1.613	120	22		
WEIGHT KG				136	1.613	120			

GRAND TOAL: 1.869 KGS

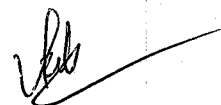
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2022	TO: P6 - P1 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - Vũ	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHERNAVSKIY D S	P6	11	1	5	40	113	KH-THAC	Russian
2	PIATOV S.V	P6	13	1	9		97	KH-THAC	Russian
3	KOSTIKIN	P6	04	1	16		129	VSP	Russian
4	AGAPHONOV	P6	01	1	7		92	NIPI	Russian
5	HA DUY DONG	P6					93	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NHAT THANH	P6	02	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG THỌ TAM	P6	12	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HUU NHAN	P6	15	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO VĂN TÙNG	P6	17	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN HUY THAI	P6	09-10	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG THAI ANH	P6	03	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM NGỌC QUY	P6	07	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN CUONG	P6	16	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ QUANG HUY	P6	05-06	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
15	NINH QUỐC HỘI	P6	08	1	13		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	20-21	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN XUÂN KHANH	P6	14	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	LUU QUY DUNG	P6	22	1	12		58	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC HÙNG	P6	18	1	12		97	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUE	P6	19	1	6		54	T-TIN	Vietnamese
21	TRAN PHUC THE ANH	P6	24	1	5		50	GETRACO	Vietnamese
22	TO CONG TANH	P6	23	1	10		65	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	22	24	173	1.685	40	19	11	CHUYEN 1 KHACH TU P6 SANG P1
2	P1	0	0	0	0	0	0		
3	P2	0	0	0	0	20	2		
TOTAL		22	24	173	1.685	60	21		
WEIGHT KG				173	1.685	60			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: BK21 - PVD1	CREW: VThắng - ĐNam - DTùng	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRUNG HIẾU	BK21	03	1	10	50	71	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ TRUNG TUÂN	BK21	05	1	17		72	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ MINH TRINH	PVD1	36	1	10		76	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN LÂM GIANG	PVD1	34-35	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN TOÀN	PVD1	53	1	10		70	DVL	Vietnamese
6	HUYNH VĂN PHÚ	PVD1	45	1	5		74	NHATHAU	Vietnamese
7	VŨ ĐÌNH TỈNH	PVD1	37	1	7		67	NHATHAU	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT THẮNG	PVD1	48	1	5		69	NHATHAU	Vietnamese
9	VŨ HÙNG SƠN	PVD1	38	1	8		78	NHATHAU	Vietnamese
10	HUYNH TÂN DUYỄN	PVD1	39	1	7		64	NHATHAU	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TÙNG	PVD1	40	1	5		71	NHATHAU	Vietnamese
12	NGUYỄN MINH VƯỢNG	PVD1	47	1	5		60	NHATHAU	Vietnamese
13	NGUYỄN QUỐC TỈNH	PVD1	46	1	6		76	NHATHAU	Vietnamese
14	LÊ TẤT VINH	PVD1	41	1	5		74	NHATHAU	Vietnamese
15	LÊ THANH HẢI	PVD1	42	1	5		66	NHATHAU	Vietnamese
16	ĐOÀN MINH DƯƠNG	PVD1	52	1	8		63	NHATHAU	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TÂM	PVD1	49-50	2	13		68	NHATHAU	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HUYNH	PVD1	44	1	10		68	NHATHAU	Vietnamese
19	TRƯƠNG VIỆT QUANG	PVD1	43	1	8		73	NHATHAU	Vietnamese
20	TRẦN TRỌNG NAM	PVD1	51	1	9		65	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK21	2	2	27	143	50	2		
2	PVD1	18	20	138	1.260	0	20		
TOTAL		20	22	165	1.403	50	22		
WEIGHT KG				165	1.403	50			

GRAND TOAL: 1.618 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 08:15
FLIGHT: 5	TO: P8 - P6	CREW: QViệt - MTHAO - HIẾU	ETA: 10:00
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN KIM SƠN	P8	81	1	5	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUƠNG	P8	69	1	8	22	67	YTE	Vietnamese
3	ĐẠO NGUYỄN HÙNG	P8	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẠO TIẾN ĐẠT	P8	70-71	2	19		73	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ NGUYỄN NHẬT LINH	P8	82	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM TỬ ANH	P8	67	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẦN THANH NAM	P8	65	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRÍ HÙNG	P8	75	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VINH DŨNG	P8	83-84	2	8		71	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG HUY	P8	76	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN DŨNG	P8	78-79	2	12		126	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NHAN	P8	63	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN HOANG GIANG	P8	77	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN KHIÊM HIẾU	P8	80	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
15	THAI QUẢN	P8	73-74	2	12		64	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG THẮNG	P8	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG MINH	P8	66	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG SỸ THẬP	P8	62	1	4		86	PSV	Vietnamese
19	LƯƠNG MẠNH HƯƠNG	P8	61	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	TRẦN VĂN VIỆT	P6	27	1	5		66	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	19	23	132	1.379	42	17		
2	P6	1	1	5	66	0	5		
TOTAL		20	24	137	1.445	42	22		
WEIGHT KG				137	1.445	42			

GRAND TOAL: 1.624 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	TO: AMD - TGTH4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Phong - N.Anh - Vũ	ETA: 11:30
VANG -02			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM VAN AN	AMD	67-69	3	15	95	70	HLJOC	Vietnamese
2	TRAN ANH QUAN	AMD	80	1	10		65	TLJOC	Vietnamese
3	DUONG CHI PHONG	AMD	79	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ANH DUNG	AMD	71	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN TRUNG KIEN	AMD	91	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
6	LE ANH MINH	AMD	85	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VAN THUONG	AMD	70	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐANG MINH ĐỨC	AMD	84	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM VAN QUANG	AMD	82-83	2	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUNG	AMD	90	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN DUC TRUNG	AMD	72-73	2	6		56	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG DINH VINH	AMD	74-75	2	15		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LA NGOC MANH	AMD	76-77	2	10		63	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN DUC CUONG	AMD	89	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VAN SAU	AMD	78	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN VAN THUY	AMD	86	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
17	TANG XUAN HAI	AMD	81	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	92-93	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN TRAI	AMD	87-88	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN DINH CU	TGTH4	32,68	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

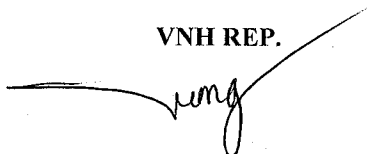
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	27	176	1.267	95	20		
2	TGTH4	1	2	20	63	0	2		
TOTAL		20	29	196	1.330	95	22		
WEIGHT KG				196	1.330	95			

GRAND TOAL: 1.621 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 7	TO: RP2 - MRM - RC4	CREW: TTrung - NPhú - Toan	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN HUY	RP2	64-65	2	10		73	NAM TIEN	Vietnamese
2	ĐỖ HAI ĐÀO	RP2	87	1	10		65	NAM TIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN SỸ	RP2	68	1	5		55	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRÌNH VĂN THẮNG	RP2	66	1	4		78	NAM TIEN	Vietnamese
5	TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG	RP2	99	1	8		68	NAM TIEN	Vietnamese
6	PHAN VĂN THIN	RP2	63	1	7		68	NAM TIEN	Vietnamese
7	LÊ THANH SƠN	RP2	69	1	8		61	NAM TIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN DUY	RP2	67	1	20		61	NAM TIEN	Vietnamese
9	RULEV SEMEN	MRM	15	1	18		120	AMNGR	Russian
10	IAMASHEV ALBERT	MRM	07	1	10		75	AMNGR	Russian
11	GVOZDEV ALEKSEI	MRM	13-14	2	18		82	AMNGR	Russian
12	TROIANOV DMITRII	MRM	10-11	2	10		85	AMNGR	Russian
13	NABOKOV ANDREY	MRM	09	1	14		78	AMNGR	Russian
14	MOROZOV ANDREI	MRM	08	1	14		91	AMNGR	Russian
15	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	12	1	6		130	AMNGR	Russian
16	EREMEEV EVGENII	MRM	01	1	12		120	KHOAN	Russian
17	NGUYỄN VĂN HIỀN	MRM	03	1	8		74	AMNGR	Vietnamese
18	LÀ QUÝ DANH	MRM	05	1	8		68	AMNGR	Vietnamese
19	NGUYỄN HOÀNG SƠN	MRM	02	1	5		73	AMNGR	Vietnamese
20	PHAN NGỌC TIỀN	MRM	06	1	10		60	AMNGR	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHIEM	MRM	04	1	5		74	DIEUHAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

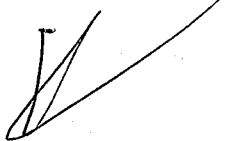
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	8	9	72	529	0	0		
2	MRM	13	15	138	1.130	0	12		
3	RC4	0	0	0	0	15	1		
TOTAL		21	24	210	1.659	15	13		
WEIGHT KG				210	1.659	15			

GRAND TOAL: 1.884 KGS

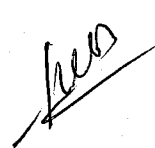
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:30
FLIGHT: 8	TO: TD3 - TD5	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN SƠN HAI	TD3	48	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC BẢO TÚ	TD3	46	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	50	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	BUI NGOC TU	TD3	49	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TRƯỜNG SINH	TD3	47	1	10		73	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DONG	TD3	99,900	2	18		72	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	58-59	2	20		75	YTE	Vietnamese
8	HOÀNG VĂN KHAI	TD5	61	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOÀNH VŨ	TD5	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
10	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	51	1	8		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ HUY TIẾN HAI	TD5	65	1	9		68	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	60	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUẤN	TD5	53	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	54-55	2	14		70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	47-48	2	13		62	KHOAN	Vietnamese
17	NIKITIN NIKOLAI	TD5	46	1	10		93	ANTOAN	Russian
18	VÔ HỮU TÂN	TD5	50	1	11		80	DVL	Vietnamese
19	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD5	56	1	11		57	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	49	1	5		72	DVL	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	52	1	4		76	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	62	1	7		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

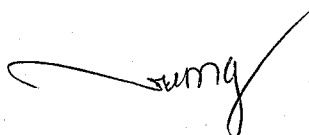
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	6	7	50	430	0	2+3		CHUYEN 3 PAX TD3-TD5
2	TD5	16	19	143	1.138	0	13		
TOTAL		22	26	193	1.568	0	15		
WEIGHT KG				193	1.568	0			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 20/04/2022	TO: VSP01	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: CHIẾN - Dương - Huy	ETA: 13:30
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GRICHENKOV	VSP01	92	1	8		90	KH-THAC	Russian
2	BORVINSKY	VSP01	86	1	6		90	KH-THAC	Russian
3	TRUBOCHKIN	VSP01	85	1	6		83	KH-THAC	Russian
4	PHẠM VĂN ĐỨC	VSP01	79	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ QUANG HUY	VSP01	45-46	2	10		77	KH-THAC	Vietnamese
6	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	43-44	2	15		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THUY	VSP01	89	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM HOÀNG THANH	VSP01	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	80	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH TUNG	VSP01	83	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	87-88	2	14		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THUẬN HAI	VSP01	93	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
13	HOÀNG MINH TÂN	VSP01	81-82	2	20		82	YTE	Vietnamese
14	DƯƠNG BA HÙNG	VSP01					75	PSV	Vietnamese
15	ĐẶNG BÌNH TÂM	VSP01	94	1	5		60	PSV	Vietnamese
16	HOÀNG PHÚC LƯƠNG	VSP01	95	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRỊNH TIẾN BÌNH	VSP01	98-99	2	14		96	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THUY	VSP01	700	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ THANH TUÂN	VSP01	84	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	96	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ HAI ĐĂNG	VSP01	90	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	22	26	172	1.640	0	22		
TOTAL		22	26	172	1.640	0	22		
WEIGHT KG				172	1.640	0			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	TO: TD1 - CLO - TD3	AIRCRAFT: 426	ETD: 10:45
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - HIẾU	ETA: 12:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAI TRỌNG BÌNH	TD1	83	1	10	20	85	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ ĐẠI THÀNH	TD1	45	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN QUYẾT	TD1	86	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
4	HA XUÂN THANH	TD1	85	1	3		106	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN ANH VINH	TD1	84	1	6		61	DVL	Vietnamese
6	PHẠM HUY ĐÌNH	TD1	47-87	2	17		61	T-TIN	Vietnamese
7	TRẦN HOANG TRIỀU	TD1	88-89	2	20		73	T-TIN	Vietnamese
8	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	CLO	64-65	2	15	30	84	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ THANH HẢI	CLO	63	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HỒNG CƯỜNG	CLO	68-69	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM VĂN KHUÔNG	CLO	67	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG QUANG HUY	CLO	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HÙNG	CLO	62	1	9		70	GETRACO	Vietnamese
14	TRẦN CAO TUẤN	TD3	08	1	10		68	CODIEN	Vietnamese
15	LƯU QUANG ĐẠT	TD3	09	1	7	18	70	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG VĂN GIANG	TD3	03	1	15	13	71	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN MINH TUẤN	TD3	01	1	10		85	CODIEN	Vietnamese
18	BUI VĂN MINH	TD3	06-07	2	12		58	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN HỒNG QUÂN	TD3	05	1	14		72	CODIEN	Vietnamese
20	NGUYỄN THANH HUY	TD3	02	1	10		77	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	7	9	68	510	20	5	1	CHUYEN I TD1-CLO
2	CLO	6	8	69	433	30	4		
3	TD3	7	8	78	501	31	12		
TOTAL		20	25	215	1.444	81	21		
WEIGHT KG				215	1.444	81			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 20/04/2022	TO: VSP01 - TTC2 - AMD	AIRCRAFT: 424	ETD: 13:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: ĐỨC - VTHU - HTNam	ETA: 15:00
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO ĐÌNH VĂN	VSP01	11	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY ĐỒNG	VSP01	10, 26	2	10		73	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN THANH LỢI	VSP01	21	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN THANH HÀ	VSP01	07	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN TRƯỜNG	VSP01	22	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC TUÂN	VSP01	17	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN HẠNH	VSP01	19-20	2	17		52	CODIEN	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC ĐẠT	VSP01	23-24	2	15		63	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG QUANG LỘC	VSP01	13	1	13		64	CODIEN	Vietnamese
10	HOANG HỮU TRỌNG	VSP01	25	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
11	LUU VĂN DÂN	VSP01	18	1	12		60	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN ĐOAN	VSP01	14-15	2	11		98	CODIEN	Vietnamese
13	ROGINSKIY DMITRY	VSP01	09	1	10		105	ANTOAN	Russian
14	PHẠM HUY ĐAU	VSP01	08	1	3		68	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH THĂNG	VSP01	16	1	3		64	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	12	1	5		75	PSV	Vietnamese
17	LUU VĂN AN	TTC2	93-94	2	13		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN THỰC	TTC2	90-91	2	10		55	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TUÂN MINH	TTC2	01	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐỨC HUY	TTC2	97-98	2	15		63	T-TIN	Vietnamese
21	ĐOÀN ĐẶC THỪA	TTC2	95-96	2	12		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

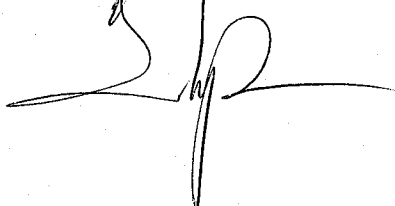
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	16	20	137	1.131	0	11		
2	TTC2	5	9	60	335	0	5		
3	AMD	0	0	0	0	50	6		
TOTAL		21	29	197	1.466	50	22		
WEIGHT KG				197	1.466	50			

GRAND TOAL: 1.713 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

